TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **468**/2025/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 29 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 621/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê Quang H, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Tổ B, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H có 03 con chung là Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 06/9/2015; Lê Thị Tuyết N1, sinh ngày 12/01/2020 và Lê Thị Diễm M, sinh ngày 23/4/2023. Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H

thoả thuận bà Phan Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 06/9/2015 và Lê Thị Diễm M, sinh ngày 23/4/2023. Ông Lê Quang H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Tuyết N1, sinh ngày 12/01/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời bà Phan Thị T và ông Lê Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H trình bày không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H có 03 con chung là Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 06/9/2015; Lê Thị Tuyết N1, sinh ngày 12/01/2020 và Lê Thị Diễm M, sinh ngày 23/4/2023.

Bà Phan Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 06/9/2015 và Lê Thị Diễm M, sinh ngày 23/4/2023.

Ông Lê Quang H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Lê Thị Tuyết N1, sinh ngày 12/01/2020.

Sau ly hôn, bà Phan Thị T và ông Lê Quang H vẫn thăm nom con chung, không ai được cản trở bà Phan Thị T và ông Lê Quang H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời bà Phan Thị T và ông Lê Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006288 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Phan Thị T và ông Lê Quang H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Ngọc Quyền